

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST  
Ngày: 28 - 7 - 2020  
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán  
tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thượng
2. Bà Thị Amina

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Tuyết Thanh V. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: : Tổ 2, ấp T, xã Đ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

***2. Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp Tr, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà **Huỳnh Thị Xuân H**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Ngày 28/11/2010, Cửa hàng của bà có thỏa thuận bán xe trả góp cho ông Nguyễn Văn B 01 xe mô tô hiệu Asyw, màu tím, số máy 130948; số khung 1309 với giá 10.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng mua bán xe trả góp, hạn 01 tháng sau sẽ trả 2.000.000 đồng, còn các tháng tiếp theo sẽ trả góp 500.000 đồng. Trong hợp đồng có ông B và bà Huỳnh Thị Xuân H (người đi chung với ông B) ký tên, lăn tay. Nhưng đến nay, ông B chỉ trả cho bà được 1.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu ông B trả số tiền còn nợ là 9.000.000 đồng, bà rút lại yêu cầu tính tiền lãi là 7.700.000 đồng. Bà không yêu cầu bà H cùng có nghĩa vụ trả số tiền này.

*Tại bản tự khai ngày 17/01/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Năm 2009, ông có mua xe trả góp của cửa hàng bà Nguyễn Thị T nên có quen biết bà T. Sau đó, ông có giới thiệu bà Huỳnh Thị Xuân H đi mua xe của cửa hàng bà T. Vào ngày 28/11/2010, ông và bà H có đến cửa hàng để mua xe trả góp. Bà H là người trực tiếp mua xe, sử dụng xe, ông chỉ là người đi cùng. Các bên có lập thành hợp đồng mua bán xe, ông và bà H có ký tên và lăn tay. Nay, bà H đã đi sinh sống nơi khác, ông không rõ địa chỉ. Theo ông, việc mua bán xe là giữa bà T và bà H, còn ông chỉ là người đi cùng, nên nghĩa vụ trả tiền là của bà H. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.*

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối ông Nguyễn Văn B. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 9.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Đình chỉ yêu cầu của bà T về số tiền lãi 7.700.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn B là bị đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Huỳnh Thị Xuân H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B, bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả số tiền còn nợ là 9.000.000 đồng. Ông B cho rằng ông chỉ là người giới thiệu để bà H mua xe trả góp của cửa hàng bà T, ông không phải là người trực tiếp mua và sử dụng xe mô tô. Bà T cho rằng, khi mua xe tại cửa hàng của bà có cả ông B, bà H và cả hai cùng ký tên, lăn tay vào hợp đồng mua bán, bà H hiện tại đã bỏ địa phương đi không rõ đi đâu nên chỉ yêu cầu ông B trả số tiền còn nợ 9.000.000 đồng cho bà.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng mua xe trả góp ghi ngày 28/11/2010 mà bà T cung cấp thể hiện ông B, bà H có mua xe trả góp tại Doanh nghiệp tư nhân Tuyệt Thanh V 01 xe mô tô hiệu ASyw(max) màu tím với giá 10.000.000 đồng, hạn 01 tháng sau trả 2.000.000 đồng, các tháng còn lại trả 500.000 đồng. Các bên có ký tên và lăn tay. Ông B thừa nhận có ký tên, lăn tay vào hợp đồng mua bán này. Nhưng ông B cho rằng, ông chỉ đi cùng bà H, ông không phải là người mua xe của bà T. Nhưng hiện tại, bà H đã bỏ địa phương đi, không rõ ở đâu. Căn cứ vào hợp đồng mua bán xe trả góp, bà T cung cấp và ông B thừa nhận là có ký tên, lăn tay vào hợp đồng thể hiện ông B, bà H có mua xe mô tô của bà T nên việc bà T yêu cầu ông B trả tiền mua xe còn nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng về bà Huỳnh Thị Xuân H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và bà T cũng không yêu cầu bà H có trách nhiệm trả tiền mua xe. Việc trách nhiệm liên đới giữa bà H và ông B sẽ giải quyết trong vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi của bà T: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T tự nguyện rút yêu cầu tính tiền lãi 7.700.000 đồng, việc rút yêu cầu này là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà T là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn B về số tiền lãi là 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B phải chịu 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp tại biên lai thu số 0000287 ngày 15/01/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Thị Xuân Lan**